

HIỆP ĐỊNH
KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ GIỮA CHÍNH PHỦ
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC
CỘNG HOÀ TAT-GI-KI-XTAN
Ngày 19 tháng 01 năm 1999

Quan tâm tới quan hệ hữu nghị và hợp tác tồn tại giữa hai nước và hai dân tộc, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia. Nhận thấy việc khuyến khích và bảo hộ đầu tư theo Hiệp định này sẽ thúc đẩy sáng kiến kinh doanh và tăng cường sự thịnh vượng của hai nước. Hai bên đã thỏa thuận những điều sau đây:

Điều 1

Định nghĩa

Với mục đích của Hiệp định này:

1. Thuật ngữ "đầu tư" chỉ những tài sản được đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, phù hợp với pháp luật và quy định của Bên đó, bao gồm, nhưng không chỉ là:

a) Động sản, bất động sản cũng như các quyền về tài sản khác như cầm cố thế chấp, các quyền tương tự;

b) Phần góp vốn, cổ phần, hay bất kỳ hình thức góp vốn khác và lãi của công ty, trái phiếu của nhà đầu tư của các Bên ký kết và thu nhập giữ lại để tái đầu tư;

c) Khiếu nại đối với một khoản tiền hay đối với bất kỳ sự thực hiện nào có giá trị về mặt tài chính;

d) Quyền sở hữu trí tuệ, quy trình công nghệ, uy tín kinh doanh và bí quyết kỹ thuật;

e) Sự tôn trọng kinh doanh theo luật hoặc theo hợp đồng liên quan đến đầu tư bao gồm tôn trọng về thăm dò hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

2. Thuật ngữ "nhà đầu tư" đối với mỗi Bên ký kết, bao gồm:

a) Các thể nhân có quốc tịch của Bên ký kết đó;

b) Các pháp nhân được thành lập theo pháp luật của Bên ký kết đó.

3. Thuật ngữ "lãnh thổ" có nghĩa là:

a. Liên quan đến Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam, toàn bộ lãnh thổ (bao gồm cả các hải đảo) các vùng biển và dưới đáy biển mà Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam thực hiện quyền chủ quyền, quyền chủ quyền hoặc quyền tài phán phù hợp với luật quốc gia và Luật quốc tế.

b. Liên quan đến Cộng hòa Tat-gi-ki-xtan, lãnh thổ của Cộng hòa Tat-gi-ki-xtan quy định theo pháp luật của Cộng hòa Tat-gi-ki-xtan mà nước Cộng hòa Tat-gi-ki-xtan có chủ quyền, quyền chủ quyền hoặc quyền tài phán phù hợp với luật quốc gia và Luật quốc tế.

Điều 2

Khuyến khích và bảo hộ đầu tư

1. Mỗi Bên ký kết sẽ khuyến khích và tạo các điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia đầu tư trên lãnh thổ của mình, và sẽ tiếp nhận khoản vốn đó phù hợp với luật và quy định của mình.

2. Những đầu tư của nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết sẽ được đối xử thỏa đáng, công bằng và được bảo hộ đầy đủ và an toàn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia trong suốt thời gian đầu tư.

Điều 3

Đối xử tối huệ quốc

1. Mỗi Bên ký kết sẽ đối xử công bằng, thỏa đáng đối với đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia và không làm thiệt hại bởi những biện pháp vô lý và phân biệt đối xử đối với việc vận hành, quản lý, duy trì, sử dụng, thừa hưởng hay định đoạt những đầu tư của họ.

2. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho các đầu tư đó đối xử, trong bất kỳ trường hợp nào không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho đầu tư của nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào.

3. Nếu một Bên ký kết dành những ưu đãi đặc biệt cho nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào trên cơ sở Hiệp định thành lập liên minh thuế quan, liên minh kinh tế, liên minh tiền tệ hoặc những tổ chức tương tự hoặc trên cơ sở của những Hiệp định hướng tới việc thành lập các liên minh này, thì Bên ký kết đó không bắt buộc phải dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia những ưu đãi như vậy.

Điều 4

Tước đoạt quyền sở hữu

Không một Bên ký kết nào được áp dụng bất kỳ biện pháp tước đoạt quyền sở hữu, quốc hữu hóa hoặc bất kỳ sự tước quyền chiếm giữ nào khác có hậu quả tương tự như quốc hữu hóa hay tước đoạt quyền sở hữu đối với đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia, trừ khi:

a. Các biện pháp này áp dụng vì mục đích mà pháp luật cho phép hoặc vì mục đích công cộng và theo trình tự thủ tục pháp lý;

b. Các biện pháp này là không phân biệt đối xử;

c. Các biện pháp này được kèm theo những quy định về việc trả tiền bồi thường nhanh chóng, đầy đủ và hiệu quả. Khoản bồi thường phải tương đương với giá trị thị trường hợp lý của đầu tư bị thiệt hại ngay trước khi biện pháp tước quyền chiếm giữ được công bố. Giá trị thị trường này được xác định phù hợp với thực tiễn và các biện pháp quốc tế được thừa nhận, hoặc khi giá trị thị trường hợp lý đó không thể xác định được, thì đó sẽ là khoản bồi thường do các Bên ký kết thỏa thuận. Khoản bồi thường sẽ được tự do chuyển ra khỏi nước chủ nhà bằng đồng tiền tự do sử dụng.

Điều 5

Bồi thường thiệt hại

1. Nhà đầu tư của một Bên ký kết có đầu tư bị tổn thất do chiến tranh hoặc xung đột vũ trang, tình trạng khẩn cấp quốc gia, khởi nghĩa, nổi loạn hoặc bạo động trên lãnh thổ của Bên ký kết kia thì sẽ được Bên ký kết kia xem xét bồi thường như khôi phục, đền bù, bồi thường hoặc bằng cách giải quyết khác.

2. Sự đối xử trên sẽ không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho nhà đầu tư nước mình hoặc nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào, tùy thuộc sự đối xử nào là thuận lợi hơn đối với nhà đầu tư bị thiệt hại.

Điều 6

Việc chuyển ra nước ngoài

1. Mỗi Bên ký kết trong phạm vi luật và quy định của mình liên quan đến đầu tư nước ngoài sẽ bảo đảm cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia được tự do chuyển ra nước ngoài, bao gồm, nhưng không chỉ là:

a) Lợi nhuận, lãi, lãi cổ phần và những thu nhập thường xuyên khác.

b) Khoản cần thiết:

(i) để mua nguyên vật liệu thô hoặc phụ trợ, bán thành phẩm hoặc thành phẩm;
hoặc

(ii) để thay thế tài sản góp vốn nhằm đảm bảo sự hoạt động liên tục của dự án đầu tư.

c) Khoản bổ sung cần thiết cho sự phát triển đầu tư;

d) Khoản để trả tiền vay;

e) Tiền bản quyền hoặc các khoản phí;

f) Thu nhập của các thể nhân;

g) Thu nhập từ việc bán hoặc thanh lý đầu tư;

h) Tiền bồi thường thiệt hại;

i) Tiền bồi thường do tước đoạt quyền sở hữu.

2. Việc chuyển tiền này được thực hiện theo tỷ giá chuyển đổi hiện hành đối với hoạt động giao dịch vào ngày chuyển tiền.

Điều 7

Thế quyền

Nếu đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết được bảo hiểm về những rủi ro phi thương mại bởi một tổ chức được thành lập theo pháp luật, thì việc thế quyền của cơ quan bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm đối với các quyền của nhà đầu tư nêu trên phù hợp với điều kiện của bảo hiểm đó sẽ được Bên ký kết kia công nhận, với điều kiện, cơ quan bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm không được thực hiện các quyền khác ngoài các quyền mà nhà đầu tư trên có quyền thực hiện.

Điều 8

Giải quyết các tranh chấp giữa nhà đầu tư và một Bên ký kết

1. Bất kỳ tranh chấp nào giữa một Bên ký kết với nhà đầu tư của Bên ký kết kia liên quan tới đầu tư trên lãnh thổ Bên ký kết này sẽ được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải.

2. Nếu vụ tranh chấp không thể giải quyết trong thời gian 6 tháng kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản về giải quyết bằng thương lượng hòa giải, thì theo yêu cầu của nhà đầu tư liên quan, vụ tranh chấp sẽ được đưa ra:

a. Trình tự thủ tục pháp lý được quy định bởi Bên ký kết là một Bên tranh chấp; hoặc

b. Trung tâm quốc tế giải quyết tranh chấp về đầu tư (ICSID) để giải quyết bằng hòa giải hoặc trọng tài theo Công ước về giải quyết các tranh chấp đầu tư giữa Quốc gia và Công dân của Quốc gia khác được ký tại Washington ngày 18 tháng 3 năm 1965, trong trường hợp hai Bên ký kết là thành viên của Công ước này.

Điều 9

Giải quyết tranh chấp giữa các Bên ký kết liên quan đến giải thích và áp dụng Hiệp định

Tranh chấp giữa các Bên ký kết liên quan đến giải thích và áp dụng Hiệp định này nếu có thể sẽ được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

Điều 10

Phạm vi áp dụng Hiệp định

Hiệp định này được đối với các đầu tư của nhà đầu tư Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam trên lãnh thổ Cộng hòa Tat-gi-ki-xtan được chấp thuận phù hợp với pháp luật của Cộng hòa Tat-gi-ki-xtan trên lãnh thổ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam được chấp thuận phù hợp với pháp luật của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam.

Điều 11

Áp dụng các quy định khác

Nếu những quy định của pháp luật của một Bên ký kết hoặc các cam kết theo pháp luật quốc tế hiện hành hoặc được thiết lập sau đó giữa các Bên ký kết đưa ra quy định chung hoặc cụ thể dành cho các nhà đầu tư của Bên ký kết sự đối xử thuận lợi hơn so với sự đối xử được quy định tại Hiệp định này, thì các quy định đó sẽ được áp dụng.

Điều 12:

Trao đổi ý kiến và bổ sung, sửa đổi Hiệp định

1. Mỗi Bên ký kết có thể yêu cầu trao đổi ý kiến về bất cứ điều gì liên quan tới Hiệp định này. Bên ký kết kia sẽ xem xét một cách thiện chí yêu cầu đó và tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành trao đổi ý kiến.

2. Khi cần thiết, Hiệp định này sẽ được bổ sung, sửa đổi vào bất kỳ thời điểm nào theo sự thỏa thuận thống nhất giữa các Bên ký kết.

Điều 13

Hiệu lực, thời hạn và chấm dứt hiệp định

1. Hiệp định này có hiệu lực sau 3 tháng kể từ ngày nhận được thông báo sau cùng của các Bên ký kết về việc hoàn tất các thủ tục nội bộ để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định có hiệu lực trong thời hạn 10 năm và sau đó tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn 10 năm nữa, và từng giai đoạn 10 năm tiếp theo, trừ phi 1 năm trước khi Hiệp định hết hiệu lực, một trong các Bên ký kết thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hiệp định.

2. Đối với những đầu tư thực hiện trước ngày Hiệp định này hết hiệu lực thì những quy định của Điều 1 đến 12 vẫn có hiệu lực trong thời hạn 10 năm kể từ ngày Hiệp định này hết hiệu lực.

Để làm chứng những điều trên đây, những người ký tên dưới đây được sự ủy quyền hợp lệ của Chính phủ mình, đã ký Hiệp định này.

Hiệp định này được làm thành hai bản tại Hà Nội ngày 19 tháng 1 năm 1999 bằng tiếng Việt, tiếng Tajik và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị ngang nhau. Nếu có sự giải thích khác nhau thì sẽ tham chiếu bản tiếng Anh.